



QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước
(phí sử dụng nguồn nước) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 577/TTr-STC ngày 08 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước (*phí sử dụng nguồn nước*) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, như sau.

1. Mức thu thủy lợi phí

Quy định đối với tưới, tiêu bằng trọng lực (*trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực*);

Quy định từ công đầu kênh (*đối với tỉnh Bạc Liêu “công đầu kênh” được tính từ kênh cấp III*) đến công trình đầu mối;

Mức thu thủy lợi phí, được thu bằng tiền Việt Nam đồng. Mức thu được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trồng lúa; trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông; sản xuất muối:

- Đất trồng lúa: $732.000 \text{ đồng/ha/vụ} \times 40\% = 292.800 \text{ đồng/ha/vụ}$;

- Đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông: $292.800 \text{ đồng/ha/vụ} \times 40\% = 117.120 \text{ đồng/ha/vụ}$;

- Đất diêm nghiệp 2% giá trị muối thành phẩm:

$(45.000 \text{ kg/ha/năm} \times 2.000 \text{ đồng/kg}) \times 2\% = 1.800.000 \text{ đồng/ha/năm}$.

(*Năng suất: bình quân 45.000 kg/ha/năm, giá bán bình quân năm 2013: 2.000 đồng/kg.*)

b) Đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

- Đất nuôi trồng thủy sản: 292.800 đồng/ha/năm (*Tính theo mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa 1ha/vụ/năm*);

- Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (*kể cả kinh doanh nhà hàng*), mức thu: 10% doanh thu.

2. Mức thu tiền nước (phí sử dụng nguồn nước)

Mức thu tiền nước (*phí sử dụng nguồn nước*): Quy định mức trần, làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân sử dụng nước thỏa thuận về mức phí dịch vụ (*phí sử dụng nguồn nước*);

Quy định mức trần: Là mức thu tiền nước được tính từ sau công đầu kênh (*đối với tỉnh Bạc Liêu “cổng đầu kênh” được tính từ kênh cấp III*) đến mặt ruộng (*kênh nội đồng*);

Quy định này thực hiện đối với tưới, tiêu chủ động một phần bằng động lực (*bơm tưới tiêu bằng động cơ điện, diesel...*), tạo nguồn từ bậc 2;

Mức phí không được vượt quá mức trần quy định dưới đây:

- Đất trồng lúa: $1.055.000 \text{ đồng/ha/vụ} \times 60\% \times 1,2 = 759.600 \text{ đồng/ha/vụ}$;

- Đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể từ cây vụ đông:

$759.600 \text{ đồng/ha/vụ} \times 40\% = 303.840 \text{ đồng/ha/vụ}$;

- Đất diêm nghiệp 2% giá trị muối thành phẩm:

$(45.000 \text{ kg/ha/năm} \times 2.000 \text{ đồng/kg}) \times 2\% = 1.800.000 \text{ đồng/ha/năm}$;

(*Năng suất: bình quân 45.000 kg/ha/năm, giá bán bình quân năm 2013: 2.000 đồng/kg.*)

- Đất nuôi trồng thủy sản (*ngọt, mặn, lợ*): $1.055.000 \text{ đồng/ha/năm} \times 60\% \times 1,2 = 759.600 \text{ đồng/ha/năm}$ (*Tính theo mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa 1ha/vụ/năm*).

2. Các quy định khác

Về đối tượng, phạm vi, nguồn kinh phí thực hiện, trình tự thủ tục, hồ sơ; thẩm quyền phê duyệt diện tích đất được miễn thủy lợi phí và biện pháp tưới, tiêu; việc lập và giao dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí và hỗ trợ tài chính cho xóa nợ đọng thủy lợi phí và lỗ do nguyên nhân khách quan thực hiện theo quy định của Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ; Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này; đồng thời phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 3. Chánh Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 18/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (giám sát);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra, rà soát);
- Trưởng Phòng QHKH, KT, VX;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, DT(QĐK02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến